

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIA
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 8 - 2020

V/v ly hôn, tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Khi

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Thương

Ông Hoàng Ngọc Quý

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Nam Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020, về việc “*Ly hôn, tranh chấp đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị S, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn Nà K, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn Nà K, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hoàng Văn L1, sinh năm 1964. Có mặt.

2. Bà Lý Thị M, sinh năm 1963. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đều có địa chỉ tại: Thôn Nà K, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2020, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Hoàng Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân chị Hoàng Thị S và anh Hoàng Văn L tổ chức cưới theo phong tục tập quán trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn ngày 24/2/2017. Trong đêm tân hôn hai vợ chồng đã có mâu thuẫn do anh Hoàng Văn L nhấn tin với người yêu cũ. Sau khi kết hôn được 02 ngày chị Hoàng Thị S tiếp tục đi làm công ty, anh Hoàng Văn L có gọi điện yêu cầu chị về làm việc gia đình nhưng chị không về do phải kiếm tiền lo gia đình. Quá trình làm công nhân dưới Bắc Ninh, anh Hoàng Văn L xuống nói chị chỉ là người thay thế, và yêu cầu ly hôn. Do thời điểm đó chị đang có thai nên không đồng ý, sau đó chị bị xảy thai. Cuộc sống hôn nhân hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn từ khi mới kết hôn, cuộc sống vợ chồng lâm vào bế tắc, đã sống ly thân từ tháng 4/2017 đến nay không ai quan tâm chăm sóc ai. Quá trình sống ly thân chị Hoàng Thị S không về nhà chồng mà về nhà bố mẹ đẻ cùng thôn Nà K, xã Q, giữa hai vợ chồng không liên lạc với nhau. Quá trình sống ly thân gia đình chồng, anh Hoàng Văn L không sang đón lần nào. Do tình cảm vợ chồng không còn không thể hàn gắn, quá trình chung sống vợ chồng thực tế không có nên chị Hoàng Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Hoàng Văn L.

Đối với yêu cầu đòi lại tiền sinh lễ 25.000.000 đồng của anh Hoàng Văn L, chị Hoàng Thị S thừa nhận được nhận 25.000.000 đồng tiền sinh lễ gồm 10.000.000 đồng tiền thịt lợn và 15.000.000 đồng tiền mặt, nhưng không đồng ý trả lại tiền với lý do việc trao nhận tiền sinh lễ là dựa trên sự tự nguyện, theo phong tục cưới hỏi tại địa phương. Bản thân chị Hoàng Thị S và gia đình cũng đã dùng số tiền này sắm một số đồ vật dụng sinh hoạt về bên nhà trai nhưng không yêu cầu đòi lại trong vụ án này. Do vậy, việc anh Hoàng Văn L đòi lại tiền sinh lễ là vô lý và không có căn cứ nên chị không chấp nhận.

Bị đơn anh Hoàng Văn L trình bày: Anh Hoàng Văn L được tự do tìm hiểu, và đăng ký kết hôn, thời gian sống ly thân như chị Hoàng Thị S trình bày, chị Hoàng Thị S có đi phá thai năm 2017. Thời gian sống ly thân từ tháng 4/2017 đến nay, chị Hoàng Thị S về nhà mẹ đẻ sinh sống, anh Hoàng Văn L và gia đình có sang đón mấy lần nhưng chị Hoàng Thị S không đồng ý về. Do vậy, anh không đồng ý ly hôn với chị Hoàng Thị S do tình cảm vẫn còn

Ngày 24/7/2020, anh Hoàng Văn L có đơn yêu cầu phản tố, yêu cầu chị Hoàng Thị S trả lại cho anh số tiền sinh lễ là 25.000.000 đồng, trong đó có 15.000.000 đồng tiền mặt, 10.000.000 đồng tiền thịt lợn mót hàm. Số tiền này có nguồn gốc là tiền của riêng ông Hoàng Văn Leo (Bố ruột anh Lạng) đã cho riêng anh để làm tiền sinh lễ xin cưới chị Hoàng Thị S. Do vậy, anh Lạng có quyền định đoạt và quyền đòi lại số tiền này. Số tiền này là anh dùng làm tiền sinh lễ để cưới chị Hoàng Thị S, Nay chị Hoàng Thị S muốn ly hôn thì phải trả cho anh số tiền này. Căn cứ cho yêu cầu đòi tiền sinh lễ theo bị đơn là tại địa phương khi ly hôn thì cô dâu phải trả lại tiền sinh lễ. Nếu chị Hoàng Thị S không trả tiền cho anh thì anh không đồng ý ly hôn và vẫn muốn chị Hoàng Thị S về làm vợ, ngoài chị Hoàng Thị S anh không yêu cầu ai khác liên đới chịu trách nhiệm trả khoản tiền này. Anh Hoàng Văn L có đơn yêu cầu miễn án phí

dân sự sơ thẩm.

Về con chung: Hai đương sự đều khẳng định quá trình chung sống vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung vợ chồng, nợ chung vợ chồng: Hai đương sự khẳng định không có tài sản chung, nợ chung vợ chồng.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn L1 trình bày: Ông Hoàng Văn L1 công nhận số tiền sinh lễ 25.000.000 đồng là tiền của riêng ông cho anh Hoàng Văn L làm tiền sinh lễ cưới chị Hoàng Thị S. Do vậy, anh Hoàng Văn L có quyền định đoạt, quyền đòi lại số tiền này. Ông không có yêu cầu độc lập, không yêu cầu đòi hỏi quyền lợi gì trong vụ án này.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 18/8/2020 và trình bày quan điểm: Số tiền 25.000.000 đồng là tiền của riêng ông Hoàng Văn Leo, ông Leo đã cho riêng anh Hoàng Văn L để làm tiền sinh lễ. Do vậy, bà không liên qua và không đòi hỏi quyền lợi gì.

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa các đương sự giữ nguyên quan điểm.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ bảo đảm đúng quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 26, 28, 35, 39, 147, 200, 202, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình 2014, các điều 3, 4, 5, 7 Bộ luật dân sự; các Điều 12, 14, 15, 24, 25, 26, 27 Nghị quyết 326 về án phí lệ phí Tòa án tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị S, xử cho chị Hoàng Thị S được ly hôn với anh Hoàng Văn L; Về con chung, tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Không có; bác toàn bộ yêu cầu của bị đơn về đòi tiền sinh lễ 25.000.000 đồng.

Quá trình kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Hoàng Thị S yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn với anh Hoàng Văn L. Do đó đây là tranh chấp hôn nhân gia đình theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu đòi tài sản là tiền sinh lễ nên theo quy định tại Điều 26, Điều 202 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Tòa án nhân dân huyện B thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan đều xác định bà Lý Thị M không liên quan đến khoản tiền 25.000.000 đồng, bà Lý Thị M đã có văn bản xin xét xử vắng mặt trình bày quan điểm không liên quan đến vụ án. Quá trình giải quyết đã tổng đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Lý Thị M theo quy định. Theo quy định tại khoản 1, điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự là có căn cứ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị S và anh Hoàng Văn L được tự do, tự nguyện tìm hiểu và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn ngày 24/2/2017, nên là hôn nhân hợp pháp, đúng pháp luật. Do các bên đều thừa nhận sau khi kết hôn 02 ngày chị Hoàng Thị S đi làm công nhân, sống ly thân từ tháng 4/2017 đến nay được một thời gian dài không quan tâm tới nhau nên là tình tiết không phải chứng minh. Như vậy, thời gian sống chung thực tế vợ chồng không có. Hai đương sự sống ly thân nhưng ở cùng thôn Nà K, xã Q, huyện B có khoảng cách gần nhưng hai bên đều không có hành động thể hiện mong muốn quan tâm và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, anh Hoàng Văn L trình bày quan điểm chỉ đồng ý ly hôn nếu chị Hoàng Thị S trả lại cho anh tiền sính lễ là 25.000.000 đồng thể hiện việc cố tình gây khó dễ, không phải xuất phát từ sự thương yêu và mong muốn hàn gắn tình cảm gia đình. Như vậy, hôn nhân giữa chị Hoàng Thị S và anh Hoàng Văn L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để giải quyết cho chị Hoàng Thị S ly hôn với anh Hoàng Văn L.

[4] Về con chung: Hai đương sự đều xác định quá trình chung sống vợ chồng không có con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung vợ chồng, nợ chung vợ chồng: Quá trình giải quyết vụ án chị Hoàng Thị S và anh Hoàng Văn L đều xác định quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung vợ chồng, nợ chung vợ chồng. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về yêu cầu đòi tiền: Chị Hoàng Thị S và anh Hoàng Văn L, ông Hoàng Văn Leo đều thừa nhận tiền sính lễ cưới là 25.000.000 đồng, trong đó có 15.000.000 đồng tiền mặt và thịt lợn trị giá 10.000.000 đồng, việc giao tiền giữa bên là hoàn toàn tự nguyện, không lập giấy tờ, không có điều kiện thực hiện việc nhận tiền đây là tình tiết không phải chứng minh. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã giải thích cho đương sự về việc yêu cầu đòi tiền sính lễ trong luật Hôn nhân gia đình không quy định, nhưng bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết và khẳng định chỉ yêu cầu chị Hoàng Thị S có trách nhiệm nghĩa vụ trả tiền, ngoài ra không còn ai khác liên quan. Quá trình giải quyết vụ án ông Hoàng Văn Leo, anh Hoàng Văn L, bà Lý Thị M đều thừa nhận nguồn gốc tiền là tiền riêng của ông Hoàng Văn Leo đã cho riêng anh Hoàng Văn L làm tiền sính lễ nên anh Hoàng Văn L có toàn quyền định đoạt là tính tiết không phải chứng minh. Do vậy, xác định ông Hoàng Văn Leo và bà Lý Thị M

không liên quan đến khoản tiền sinh lễ 25.000.000 đồng. Nhận thấy, việc thỏa thuận sinh lễ là theo phong tục địa phương, dựa trên sự tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định tại các Điều 3, 4, 5, 7 Bộ luật dân sự nên được pháp luật chấp nhận, việc thỏa thuận là do hai bên tự nguyện thực hiện, nhằm mục đích tổ chức đám cưới, thực tế hôn lễ giữa chị Hoàng Thị S và anh Hoàng Văn L đã được tổ chức. Anh Hoàng Văn L và chị Hoàng Thị S, ông Hoàng Văn Leo cũng đều thừa nhận chị Hoàng Thị S và gia đình bên nhà gái sau khi nhận tiền sinh lễ cũng đã dùng số tiền này mua các vật dụng sinh hoạt, mua 01 nhẫn trị giá 01 chỉ vàng cho anh Hoàng Văn L, và hiện nay các tài sản này anh Hoàng Văn L vẫn đang quản lý sử dụng. Sử dụng tiền, thịt lợn để làm cỗ cưới, quá trình đón dâu phía bên gia đình anh Hoàng Văn L cũng ăn cơm bên nhà chị Hoàng Thị S như vậy thực tế tiền sinh lễ là tiền mặt và thịt lợn đã được dùng hết vào việc mua đồ và phục vụ cho đám cưới. Tuy nhiên, đối với các chi phí này do chị Hoàng Thị S không yêu cầu đòi lại nên tòa án không xem xét giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu anh Hoàng Văn L cung cấp chứng cứ chứng minh tại địa phương có phong tục khi ly hôn phải trả lại tiền sinh lễ nhưng đương sự không cung cấp được. Tại công văn số 53/UBND, ngày 15/8/2020 của Ủy ban nhân dân xã Q xác nhận tại địa phương không có quy định phong tục khi ly hôn thì nhà gái phải trả lại tiền sinh lễ, tiền thách cưới cho nhà trai. Do vậy, việc anh Hoàng Văn L cho rằng tại địa phương có phong tục trả lại tiền sinh lễ khi ly hôn là không có căn cứ. Nhận thấy, theo quy định của pháp luật việc trao tặng tiền sinh lễ là thuộc dạng hợp đồng tặng cho tài sản, việc tặng cho tiền sinh lễ khi kết hôn là do hai bên tự thỏa thuận về số tiền và hình thức trao, và không có điều kiện khác. Do vậy, căn cứ theo Điều 457, 458 bộ luật dân sự thì việc tặng cho này có hiệu lực từ thời điểm chị Hoàng Thị S nhận sinh lễ là tiền và hiện vật trị giá 25.000.000 đồng do anh Hoàng Văn L đưa và xác lập quyền sở hữu tài sản của riêng chị Hoàng Thị S. Do vậy, yêu cầu đòi lại tiền sinh lễ của anh Hoàng Văn L là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do yêu cầu phản tố của bị đơn không được Tòa án chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bị đơn thuộc đối tượng miễn án phí dân sự và đã có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Chị Hoàng Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ theo Điều 3, 4, 5, 7, 457, 458 Bộ luật dân sự; các Điều 26, 28, 35, 39, 147, 200, 202, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; các Điều 56, 57 Luật Hôn nhân gia đình 2014; khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Hoàng Thị S được ly hôn với anh Hoàng Văn L.

2. Về yêu cầu đòi tiền sinh lễ: Bác yêu cầu đòi tiền sinh lễ 25.000.000 đồng của anh Hoàng Văn L.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng chẵn), xác nhận chị Hoàng Thị S đã nộp đủ theo biên lai thu số AA/2015/0000741 ngày 03/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Hoàng Văn L.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKS ND H. Bình Gia;
- Chi cục THADS H. Bình Gia;
- UBND xã Q;
- (Nơi kết hôn);
- Các đương sự (Theo địa chỉ);
- Lưu: HS + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Văn Khi

